

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG
LẦN THỨ I**

*

Số 01-NQ/ĐH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang
lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030**

(được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I thông qua ngày 24/9/2025)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra từ ngày 22 đến ngày 24/9/2025 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh; tham dự Đại hội có 415 đại biểu tiêu biểu đại diện cho trên 136.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh. Sau khi thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội,

QUYẾT NGHỊ

I. Tán thành những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025; mục tiêu phát triển, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030, mục tiêu đến năm 2045.

1. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt được nhiều kết quả, thành tựu quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực.

1.1. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường; cán bộ, đảng viên luôn kiên định Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới, các nguyên tắc xây dựng Đảng. Tinh thần tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị được phát huy, gắn với tập trung thực hiện các nhiệm vụ đột phá, giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn, phức tạp. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" được đẩy mạnh. Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được đổi mới, thực hiện có hiệu quả công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng, truyền thống cách mạng của quê hương cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ được nâng lên. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản

bác các quan điểm sai trái, thù địch có nhiều chuyển biến rõ nét. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được coi trọng, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được thực hiện nghiêm túc. Kịp thời xử lý nghiêm một số tổ chức, cá nhân, đảng viên suy thoái, vi phạm pháp luật.

Công tác dân vận có nhiều đổi mới, tăng cường củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được củng cố, chất lượng sinh hoạt tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên ngày càng được nâng lên. Công tác phát triển đảng viên được quan tâm, chú trọng. Công tác cán bộ được đặc biệt coi trọng, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Triển khai thực hiện nghiêm chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường; kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện các quy định về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Hiệu lực, hiệu quả các cuộc kiểm tra, giám sát được nâng lên, gắn kết chặt chẽ với tự phê bình, phê bình, bảo đảm đúng nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện đồng bộ, với quyết tâm chính trị cao. Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới. Công tác cải cách hành chính trong Đảng được chú trọng, trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được tăng cường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao trách nhiệm và chất lượng công vụ, hướng tới xây dựng chính quyền số, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Việc tiếp dân, đối thoại, lắng nghe ý kiến, giải quyết các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân được chú trọng. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính, trọng tâm là hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang; triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp được triển khai bài bản, quyết liệt, đúng mục đích, yêu cầu đề ra.

1.2. Về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Cơ bản hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội đề ra trong nhiệm kỳ. Kinh tế của 2 tỉnh tăng trưởng khá; quy mô kinh tế, tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2025 đều tăng so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có nhiều chuyển biến tích cực. Kinh tế lâm nghiệp phát triển khá nhanh, vững chắc, duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 60%. Xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Du lịch tiếp tục phát triển, từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng. Lễ hội Thành Tuyên đã trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc, riêng có; khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào là "địa chỉ đỏ" về giáo dục truyền thống, điểm hấp dẫn du khách

đến với Tuyên Quang; danh hiệu thành viên Mạng lưới Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn được giữ vững. Quảng trường Nguyễn Tất Thành đạt "*Giải thưởng phong cảnh thành phố Châu Á*"; du lịch Hà Giang đã được vinh danh tại giải thưởng du lịch Châu Á với danh hiệu điểm đến mới nổi hàng đầu Châu Á (năm 2023), điểm đến Văn hóa hàng đầu Châu Á (năm 2024).

Chất lượng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện. Hoàn thành Dự án cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ; triển khai xây dựng cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1); cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn từ Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy và nhiều công trình dự án trọng điểm khác. Sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển, giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá. Khu vực dịch vụ, thương mại tiếp tục phát triển; hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi và phát triển nhanh hơn sau đại dịch Covid-19. Công tác chuyển đổi số bước đầu đạt được kết quả tích cực, tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

Phát triển văn hóa, xã hội và con người đạt được nhiều kết quả quan trọng; công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử, văn hoá truyền thống được tăng cường, phát huy; các giải pháp xóa bỏ hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh được đẩy mạnh. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới; chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn có chuyển biến tích cực và đạt được một số thành tích nổi bật, điều kiện dạy và học của học sinh các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới được nâng lên. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt cao. Công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm nhanh, (tỉnh Tuyên Quang giảm từ 23,45% (năm 2021) xuống còn 7,38% (năm 2025) và tỉnh Hà Giang giảm bình quân 5,87%/năm, đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo còn 31,65%) đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên.

Quốc phòng, an ninh được tăng cường. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Hoạt động đối ngoại tiếp tục được củng cố và mở rộng, gắn với xúc tiến đầu tư đạt được kết quả tích cực.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Việc lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị của Đảng, công tác cải cách hành chính trong Đảng, việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần tự phê bình và phê bình trong Đảng, công tác kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình cơ sở... có nội dung, có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa cao.

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số địa bàn, lĩnh vực có thời điểm chưa chặt chẽ. Việc triển khai thực hiện một số chính sách đã được ban hành tại một số địa phương còn chậm, thiếu quyết liệt, chưa hiệu quả.

Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nội dung chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Kinh tế - xã hội phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Một số chỉ tiêu thành phần chưa đạt Nghị quyết đề ra. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, giá trị gia tăng cao chưa có sự bứt phá rõ nét; chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư có quy mô, giá trị kinh tế, ứng dụng công nghệ hiện đại; quy mô thu ngân sách còn nhỏ, chưa bền vững.

Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cấp tỉnh, cấp xã còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu; cơ sở vật chất lĩnh vực giáo dục, y tế chưa đồng bộ; năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh còn một số hạn chế; nguồn nhân lực có chất lượng cao còn thiếu.

Chất lượng một số nội dung công tác quân sự ở cơ sở còn hạn chế. An ninh, trật tự tại một số địa bàn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Các hoạt động đối ngoại gắn với xúc tiến đầu tư có việc chưa hiệu quả; quan hệ hợp tác về kinh tế với các đối tác nước ngoài chưa tương xứng với tiềm năng.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2025 - 2030

3.1. Quan điểm phát triển

Phát huy truyền thống cách mạng, sức mạnh đại đoàn kết; khơi dậy ý chí tự tin, tự hào, khát vọng vươn lên, gắn với không gian, quy mô phát triển của đơn vị hành chính mới; triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ: Phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng - an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Nâng cao năng lực dự báo, phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nhất là cơ hội mở rộng không gian phát triển để đẩy mạnh liên kết vùng, phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết mang tầm đột phá, chiến lược vào tình hình thực tiễn của tỉnh. Phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh, động lực phát triển; thu hút, trọng dụng nhân tài; bảo đảm chính sách xã hội, gắn tăng trưởng với bảo vệ môi trường, tiến bộ và công bằng xã hội, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, biên giới. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; trọng tâm là đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. củng cố, phát huy hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đẩy mạnh cải cách hành chính và phân cấp, uỷ quyền; phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội; mở rộng, nâng cao hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu tổng quát

Giữ vững sự đoàn kết, thống nhất; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường quốc phòng, an ninh; phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn

lực, động lực và không gian phát triển mới; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 là tỉnh phát triển, thu nhập cao trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; tự cường, tự tin trong kỷ nguyên mới, phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

3.3. Các chỉ tiêu chủ yếu (18 chỉ tiêu)

3.3.1. *Nhóm chỉ tiêu về kinh tế (08 chỉ tiêu), gồm:* (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (giá hiện hành) đạt 170.000 tỷ đồng; (2) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10,5%/năm; (3) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đến năm 2030 (giá hiện hành) đạt 95 triệu đồng/người; (4) Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP; (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phấn đấu đạt 12.000 tỷ đồng; (6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 75.000 tỷ đồng; (7) Năng suất lao động đạt trên 213 triệu đồng/lao động; (8) Thu hút 06 triệu lượt khách du lịch.

3.3.2. *Nhóm chỉ tiêu về xã hội (05 chỉ tiêu, gồm:* (1) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,72; (2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Mầm non 73%, phổ thông 80% trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 72% trở lên, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 30% trở lên; (3) Chỉ tiêu về Văn hóa: 100% xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả; 100% thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng; 90% số hộ gia đình đạt gia đình văn hoá; 85% số thôn, tổ dân phố đạt thôn, tổ dân phố văn hóa; 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá; (4) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 22%. Phấn đấu 100% xã, phường đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Tuổi thọ trung bình từ lúc sinh đạt khoảng 74 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 tuổi. Đạt 44 giường bệnh/10.000 dân và 11 bác sỹ/10.000 dân; (5) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giảm bình quân 3-4%/năm.

3.3.3. *Nhóm chỉ tiêu về môi trường (03 chỉ tiêu), gồm:* (1) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 62,2%; (2) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95,0%; (3) 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

3.3.4. *Nhóm chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (02 chỉ tiêu), gồm:* (1) Hằng năm có trên 90% tổ chức, cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 90% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ kết nạp đảng viên hằng năm đạt 3% trở lên so với tổng số đảng viên của đảng bộ; (2) Trong nhiệm kỳ, tỷ lệ tổ chức đảng và đảng viên là cấp uỷ viên các cấp được kiểm tra, giám sát đạt 30% trở lên.

3.4. Nhiệm vụ trọng tâm và đột phá

3.4.1. Nhiệm vụ trọng tâm (05 nhiệm vụ)

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tập trung thực hiện tốt các chủ trương về hoàn thiện tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

(2) Khẩn trương hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách và triển khai hiệu quả điều chỉnh quy hoạch tỉnh, kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững các ngành kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và các ngành dịch vụ trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường.

(3) Phát huy tiềm năng, lợi thế để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, gắn với phát triển kinh tế di sản, công nghiệp văn hóa và kinh tế cửa khẩu có thương hiệu và uy tín cao của tỉnh.

(4) Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững; đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, có cơ chế đột phá để đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đồng thời xóa bỏ hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, thượng tôn pháp luật.

(5) Củng cố vững chắc quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; chủ động, tích cực mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, xây dựng đường biên giới "hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển".

3.4.2. Đột phá (03 đột phá)

(1) Đột phá mạnh mẽ về xây dựng thể chế theo thẩm quyền để thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao năng lực quản trị của chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

(2) Tiếp tục đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông; hạ tầng công nghệ; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

(3) Phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, giảm nghèo bền vững.

4. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

4.1. Về phát triển kinh tế

(1) Tổ chức lại không gian phát triển phù hợp đơn vị, địa giới hành chính mới; triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP của Chính

phủ: Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi) và các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững dựa trên 5 trụ cột: Hạ tầng giao thông; du lịch bản sắc chất lượng cao; chuỗi nông sản, đặc sản có thương hiệu; kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới; liên kết phát triển kinh tế với các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng, với các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây (Trung Quốc).

(2) Huy động, lồng ghép mọi nguồn lực, đẩy nhanh các dự án trọng điểm: Tiếp tục đầu tư, xây dựng hoàn chỉnh 4 làn xe đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang từ Trung tâm hành chính tỉnh đến cửa khẩu Thanh Thủy; thúc đẩy đầu tư tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12) và các dự án liên vùng có tính đột phá; tiếp tục phát triển giao thông nông thôn để kết nối sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên phát triển nhà ở xã hội. Phát triển hạ tầng số, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới; phấn đấu phủ sóng di động vùng trắng, lõm sóng; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi dữ liệu.

(3) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dựa trên động lực chính là khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với tiềm năng, lợi thế của địa phương nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế các sản phẩm. Trọng tâm là thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nhân lực; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với các ngành quan trọng; nghiên cứu triển khai mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo vùng miền núi Tây Bắc, kết nối với các viện, trường đại học và doanh nghiệp.

(4) Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng chi đầu tư phát triển vào ngành, lĩnh vực ưu tiên; nâng chất lượng đầu tư công; triển khai hiệu quả chính sách tín dụng, ngân hàng, ưu tiên vốn cho các khâu đột phá. Thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội.

(5) Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và dược liệu theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và thân thiện với môi trường; thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp kết nối. Phát triển các loại hình dịch vụ hậu cần, gắn với ngành sản xuất công nghiệp (logistics, bảo trì thiết bị, cung ứng vật tư), tạo nền tảng nâng cao năng suất và giảm chi phí sản xuất; nâng cấp hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, tháo gỡ điểm nghẽn thủ tục, mặt bằng để đón nhà đầu tư chiến lược.

(6) Phát huy tiềm năng, lợi thế bản sắc văn hóa, không gian, cảnh quan, di sản để thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, xanh, đặc trưng, bền vững, sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; hiện đại hóa hạ tầng các khu, điểm du lịch trọng điểm; xây dựng khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, Kim Bình; công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình trở thành khu du lịch quốc gia; Cột cờ Lũng Cú là sản phẩm đặc thù, Suối

Khoáng Mỹ Lâm, Mã Pì Lèng, sông Nho Quế trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch gắn với xây dựng văn hoá trong kinh doanh du lịch, bảo vệ môi trường.

(7) Nâng cao chất lượng, hiệu quả các ngành dịch vụ, phát triển các loại hình dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao và đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công. Đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại dịch vụ, các cửa khẩu song phương và lối mở để thu hút đầu tư. Trọng tâm là xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics kết nối với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; xây dựng đồng bộ hạ tầng tại các cửa khẩu khác như Săm Pun, Xín Mần và xây dựng cửa khẩu số. Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hiện đại tại các đô thị. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, mô hình phân phối số. Tăng cường xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu sản phẩm để mở rộng thị trường.

(8) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp theo chuỗi giá trị; xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và mục tiêu xây dựng nông thôn, nông dân giàu có.. Phát triển vùng nguyên liệu, các sản phẩm OCOP đi vào chiều sâu; hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi; đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn; từng bước tiếp cận thị trường tín chỉ carbon trong ngành lâm nghiệp. Phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

(9) Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát huy hiệu quả của kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể; sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo kế hoạch; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có chọn lọc vào ngành công nghệ cao; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

4.2. Về phát triển văn hóa, xã hội

(1) Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị và các chủ trương, định hướng của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới; xây dựng con người Tuyên Quang toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ, kỹ năng sống, nghề nghiệp. Bảo tồn, phát huy di sản gắn với du lịch; phát triển văn học, nghệ thuật, báo chí xứng tầm. Phát triển thể thao quần chúng và thành tích cao; đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh để tổ chức sự kiện tầm quốc gia, quốc tế.

(2) Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng hiện đại, thực chất; tạo môi trường thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong các trường học phổ thông; xây dựng mô hình trường học số, thông minh; từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời, phong trào “học tập số”, “phổ cập kỹ năng số cho người dân”; phát triển mạnh giáo dục nghề nghiệp gắn nhu cầu thị trường.

(3) Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị và các chủ trương, nghị quyết, đề án của Đảng, Nhà nước về công tác y tế; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện; từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần.

(4) Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

4.3. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

(1) Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân bổ, sử dụng nguồn lực hợp lý, hiệu quả, xác định đây là mục tiêu, động lực trọng yếu cho giai đoạn tới.

(2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; xây dựng quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới; ưu đãi tín dụng, thuế cho doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp; hỗ trợ sản giao dịch thương mại điện tử; phát triển tổ công nghệ số cộng đồng; mở rộng bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho đặc sản địa phương. Chuyển đổi số toàn diện trên 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tăng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; xây dựng chính quyền điện tử hiện đại. Mở rộng ứng dụng AI, dữ liệu lớn, chuỗi khối; hoàn tất phủ sóng di động vùng trắng, lõm sóng để bảo đảm hạ tầng số thống nhất, an toàn.

(3) Phát triển hạ tầng số và dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, xã; hình thành nền tảng dữ liệu mở; đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực cho chuyển đổi số. Phát triển nhân lực số, đào tạo kỹ năng số toàn dân; thu hút, trọng dụng trí thức, chuyên gia; ưu tiên nâng cao năng lực số cho cán bộ cơ sở, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng bào dân tộc thiểu số.

4.4. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng biến đổi khí hậu

(1) Thực hiện đồng bộ cơ chế, quy hoạch về quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên; triển khai thi hành Luật Đất đai 2024; xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia. Nâng hiệu quả sử dụng

đất, quản lý quỹ đất công, đất nông, lâm trường; đăng ký quyền sử dụng đất và định giá theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch; tăng giám sát, thanh tra và xử lý nghiêm vi phạm về tài nguyên, môi trường; chú trọng quản lý nguồn nước sông, suối.

(2) Sử dụng tiết kiệm tài nguyên; quản lý, sử dụng, phát triển hiệu quả tài nguyên rừng và tài nguyên nước; đầu tư công trình bảo vệ môi trường; phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ nghiêm động vật hoang dã quý hiếm.

(3) Tiếp tục thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia tại địa bàn; phân vùng rủi ro theo từng loại thiên tai; ưu tiên di dời dân khỏi vùng nguy hiểm; kiểm tra an toàn thủy điện, đập, hạ du; chủ động chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với lũ lụt, phối hợp, chia sẻ thông tin khí tượng thủy văn với các địa phương Trung Quốc.

4.5. Về quốc phòng, an ninh; đối ngoại

(1) củng cố khu vực phòng thủ; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn thể trận an ninh nhân dân trên nền tảng thể trận lòng dân vững chắc; xây dựng chốt dân quân thường trực biên giới gắn với các cụm dân cư; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao ý thức quốc phòng, phát huy vai trò đồng bào dân tộc thiểu số bảo vệ biên giới; nâng cao chất lượng luyện tập, diễn tập, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh.

(2) Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, chủ động ứng phó với các mối đe dọa, thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, trọng tâm an ninh biên giới, an ninh con người, an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh tư tưởng, văn hóa. Tiếp tục đổi mới, nâng chất phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; củng cố lực lượng Công an cấp xã, xử lý đúng pháp luật các vấn đề dân tộc, tôn giáo, hiện tượng tôn giáo mới; tăng cường đối thoại, giữ vững ổn định cơ sở.

(3) Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 21/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Bám sát phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả”; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế; làm sâu sắc quan hệ với đối tác truyền thống, mở rộng hợp tác với đối tác tiềm năng; chú trọng đối ngoại biên phòng, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

4.6. Về xây dựng chính quyền vững mạnh; nâng cao chất lượng tư pháp

(1) Thực hiện nghiêm chủ trương xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm đồng bộ, minh bạch, khả thi; nâng hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX),... Vận hành hiệu lực, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn kiểm tra, giám sát; phát huy cơ chế “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; tăng cường xây dựng chính quyền số, nền hành chính hiện đại. Nâng cao chất lượng hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy vai trò quản trị, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp; tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy. Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian và cấp phó; siết chặt quản lý biên chế; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, liêm chính, được đãi ngộ xứng đáng.

(2) củng cố, kiện toàn các cơ quan tư pháp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; mở rộng trợ giúp pháp lý; hoàn thiện phương thức hoạt động tư pháp theo tổ chức bộ máy mới.

4.7. Về Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

(1) Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; phát huy vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp sức dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tổ chức hiệu quả các phong trào, cuộc vận động; làm tốt công tác giám sát, phản biện xã hội; tăng cường đối ngoại Nhân dân. Phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng, trong tôn giáo; tăng cường phát triển đoàn viên, hội viên, giới thiệu nguồn kết nạp Đảng. Cụ thể hóa, thực hiện tốt Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

(2) Thực hiện nghiêm pháp luật về dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, giai cấp, tầng lớp xã hội và Nhân dân trong tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển; chăm lo, phát huy vai trò giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, doanh nhân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, người cao tuổi, cộng đồng người Tuyên Quang ở ngoài tỉnh và nước ngoài; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc.

4.8. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng về dự báo, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương; bảo đảm lãnh đạo toàn diện, thống nhất; tăng cường tính chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên.

(2) Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; quản lý hiệu quả an ninh mạng; xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2 năm 2030; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

(3) Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức. Đề cao nêu gương, tu dưỡng; hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực; biểu dương điển hình tiên tiến; lan tỏa văn hóa liêm chính trong toàn Đảng bộ.

(4) Đẩy mạnh công tác dân vận; nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Đảng, dân vận của các cơ quan Nhà nước, chính quyền các cấp và lực lượng vũ trang; kiên trì vận động xóa bỏ hủ tục, xây dựng nếp sống văn minh; gắn dân vận với triển khai chính sách phát triển kinh tế - xã hội ngay từ cơ sở.

(5) Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, mạnh; đồng bộ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khắc phục chồng chéo; thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

(6) Cùng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; thực hiện tốt Chỉ thị của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và sử dụng Sổ tay đảng viên điện tử hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng và tăng cường quản lý đảng viên.

(7) Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ; phân cấp, phân quyền đi đôi kiểm soát quyền lực; khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; bảo đảm cơ cấu, chú trọng cán bộ khoa học, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; thực hiện nghiêm miễn nhiệm, từ chức với cán bộ vi phạm.

(8) Đẩy mạnh việc thực hiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng; chú trọng kiểm tra, giám sát việc chấp hành và thực hiện cương lĩnh chính trị, điều lệ và các nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; đổi mới tư duy, phương pháp từ thụ động sang chủ động kiểm tra, giám sát, chú trọng giám sát thường xuyên; đẩy mạnh chuyển đổi số và thực hiện mục tiêu giám sát và kiểm tra trên dữ liệu.

(9) Kiên quyết, kiên trì phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần”; nâng cao văn hóa liêm chính trong cán bộ, đảng viên; duy trì tiếp công dân, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu; giải quyết dứt điểm vụ việc ngay từ cơ sở.

(10) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng khoa học, dân chủ, hiệu quả, sát thực tiễn; siết chặt kỷ cương, kỷ luật, thực hiện nghiêm quy chế làm việc; đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong Đảng; đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy.

II- Thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp thu ý kiến của Đại hội, lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện theo đúng quan điểm, định hướng đã được Đại hội thông qua.

III- Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ các ý kiến thảo luận tại đại hội, báo cáo Trung ương theo quy định.

IV- Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp thu ý kiến Đại hội, hoàn thiện và ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội, đưa Nghị quyết Đại hội vào thực tiễn cuộc sống.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đánh giá, khẳng định những kết quả, thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đồng thời, thống nhất cao các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, khâu đột phá, nhiệm vụ, giải pháp phát triển tỉnh đề ra trong nhiệm kỳ 2025 - 2030, thể hiện quyết tâm chính trị cao, khát vọng vươn lên của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước. Với sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống quê hương cách mạng, Tuyên Quang quyết tâm bút phá, lập nên những thành tựu phát triển mới, xứng đáng là quê hương cách mạng, Thủ đô khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến, Tỉnh anh hùng, mảnh đất biên cương, địa đầu của Tổ quốc.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các Ban Đảng Trung ương (báo cáo),
- Đảng ủy Chính phủ (báo cáo),
- Đảng ủy Quốc hội (báo cáo),
- Đảng ủy Mặt trận, các Đoàn thể Trung ương (báo cáo),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh,
- Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp của tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Hầu A Lệnh

**Biểu: Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh
lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030**
(kèm theo Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 10/10/2025 của Tỉnh ủy)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết đến năm 2030	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ			
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	tỷ đồng	170.000	
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2026 - 2030	%	10,5%	
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đến năm 2030 (giá hiện hành)	Triệu đồng	95	
4	Tỷ trọng kinh tế số	%	≥ 20	
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	12.000	
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	75.000	
7	Năng suất lao động	Triệu đồng/lao động	213	
8	Thu hút khách du lịch	Triệu lượt/khách	06	
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI			
9	Chỉ số phát triển con người HDI		0,72	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học			
10	Mầm non	%	73	
11	Phổ thông	%	80	
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	72	
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	≥30	
	Chỉ tiêu về Văn hóa			
14	Xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả	%	100	
15	Thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng	%	100	
16	Số hộ gia đình đạt gia đình văn hoá	%	90	
17	Số thôn, tổ dân phố đạt thôn, tổ dân phố văn hóa	%	85	
18	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá	%	95	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết đến năm 2030	Ghi chú
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	22	
20	Xã, phường đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã	%	100	
21	Tuổi thọ trung bình từ lúc sinh đạt khoảng	tuổi	74	
22	Thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu	tuổi	68	
23	Giường bệnh/10.000 dân	giường bệnh	44	
24	Bác sỹ/10.000 dân	bác sỹ	11	
25	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giảm bình quân	%	3-4	
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG			
26	Tỷ lệ che phủ rừng	%	62,2	
27	Tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95,0	
28	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	
IV	CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG			
29	Hàng năm tổ chức, cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>90	
30	Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>90	
31	Tỷ lệ kết nạp đảng viên hàng năm đạt so với tổng số đảng viên của đảng bộ	%	>03	
32	Tỷ lệ tổ chức đảng và đảng viên là cấp uỷ viên các cấp được kiểm tra, giám sát đạt.	%	>30	